

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **680/2021/HNGĐ-PT**

Ngày: 08-12-2021

V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương;

Bà Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Do bản án sơ thẩm số 167/2021/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4196/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mộng C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 152/13 khu phố I, phường T, thành phố D, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 1806/77/2 (số cũ: 36/5A), Khu phố S, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mộng C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2017 đến nay thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tiền bạc, ông P thường xuyên hành hung, chửi mắng và đuổi bà ra khỏi

nhà. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả và sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phước A, sinh ngày 16/8/2017. Từ tháng 11/2020, sau khi bị ông P đuổi, bà mang con về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh B để sinh sống. Tuy nhiên vì muốn hàn gắn tình cảm nên khoảng 20 ngày sau bà mang con về nhà nhưng ông P không chấp nhận cho bà quay lại. Ông P giữ con lại nuôi cho đến hôm nay. Bà C cho rằng bản thân bà đủ điều kiện nuôi con vì bà có công việc và nơi ở ổn định, hơn nữa trẻ là con gái, hiện còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Do vậy, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Phước A và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:

Ông P xác nhận ông và bà C sống chung từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo ông P, do quá trình chung sống bà C không trung thực, có hành vi trộm cắp tiền, vàng của ông nên ông không muốn tiếp tục sống chung nữa. Ông đồng ý yêu cầu của bà C đề nghị Tòa án xác định cả hai không phải là vợ chồng.

Về con chung: Ông P xác nhận cả hai có 01 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Phước A, sinh ngày 16/8/2017, hiện nay trẻ đang sống với ông. Ông P cho rằng mình đủ điều kiện về kinh tế hơn bà C, hơn nữa ông có nhà cửa riêng ổn định nên đề nghị Tòa án giao cho ông tiếp tục nuôi trẻ A và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 167/2021/HNGĐ-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thị Mộng C và ông Nguyễn Hoàng P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Phước A, sinh ngày 16/8/2017 cho bà Huỳnh Thị Mộng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Bà C và ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C và ông P xác định không có.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

Ngày 20/5/2021, bị đơn ông Nguyễn Hoàng P làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phước A cho ông P nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mộng C đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông P làm trong hạn luật định. Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận đơn kháng cáo của ông P.

Về nội dung:

Nhận thấy, trong quá trình chung sống ông P và bà C có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Phước A, sinh ngày 16/8/2017. Cả ông P và bà C đều có nguyện vọng và khả năng nuôi con nhưng việc giao con cho ai nuôi phải dựa trên quyền lợi mọi mặt của con. Trẻ A hiện còn nhỏ, là con gái nên cần sự quan tâm, gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hoàng P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phước A, sinh ngày 16/8/2017 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét đơn kháng cáo của ông P làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo về việc nuôi con:

Đối với con chung, bà Huỳnh Thị Mộng C và ông Nguyễn Hoàng P đều muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, ông P thừa nhận cháu A hiện đang do bà Nội và 02 người cô của cháu A là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông P do bận đi làm nên không có thời gian trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và ở cùng với cháu. Ông P khai rằng ông đang làm việc tại Công ty M, mức thu nhập 10.000.000 đồng/1 tháng nhưng đây chỉ là lời trình bày của ông, không có chứng cứ chứng minh.

Xét thấy, bà C có việc làm, có mức thu nhập, chỗ ở và điều kiện kinh tế ổn định. Cháu A hiện đang còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nên cấp sơ thẩm đã giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phước A, sinh ngày 16/8/2017 cho bà C nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Từ những nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng P, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, y án sơ thẩm là có cơ sở.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng P.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 167/2021/HNGĐ-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thị Mộng C và ông Nguyễn Hoàng P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Phước A, sinh ngày 16/8/2017 cho bà Huỳnh Thị Mộng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Bà C và ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C và ông P xác định không có.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), bà Huỳnh Thị Mộng C chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai thu số AA/2019/0073253 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Nguyễn Hoàng P chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0073638 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện N, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện N, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (Linh/14b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương

Nguyễn Hoàng Anh

Lưu Thị Thủy Tiên